

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị L và anh T1”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1991.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Đình T1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn T2, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ánh L xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 01/10/2008, chị và anh Phạm Đình T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn. Sau một thời gian chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, không còn tình cảm, từ năm 2019 đến nay hai người không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Hoa T2, sinh ngày 13/02/2008 và Phạm Đình T4n, sinh ngày 14/10/2013. Khi ly hôn, chị xin được

quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Đình T1 vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T1 theo đúng quy định nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ánh L và anh Phạm Đình T1 đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị L xin giải quyết cho ly hôn với anh T1, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 52, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh L được ly hôn với anh Phạm Đình T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Hoa T3, sinh ngày 13/02/2008 và Phạm Đình T4, sinh ngày 14/10/2013 cho chị L nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do chị thuộc hộ cận nghèo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị Ánh L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Đình T1 và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn – anh Phạm Đình T1 có địa chỉ cư trú tại thôn Tân Bình, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ánh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Phạm Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Ánh L và anh Phạm Đình T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn ngày 01/10/2008. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị L và anh T1 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị L trình bày nguyên nhân vì bất đồng quan điểm, hay cãi vã, hai người hiện không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Quá trình giải quyết, anh T1 đã được **niêm yết** hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. **Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.**

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị L và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:*

Chị L và anh T1 có 02 con chung Phạm Thị Hoa T3, sinh ngày 13/02/2008 và Phạm Đình T4, sinh ngày 14/10/2013. Khi ly hôn, chị L xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét ý kiến của chị L, nguyện vọng của con chung, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của chị L, tiếp tục giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Thị Hoa T3 và cháu Phạm Đình T4. Chị L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh L thuộc hộ cận nghèo tại địa phương và có hồ sơ xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Ánh L và anh Phạm Đình T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 15 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh L và anh Phạm Đình T1.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là Phạm Thị Hoa T3, sinh ngày 13/02/2008 và Phạm Đình T4, sinh ngày 14/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Ánh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Phạm Đình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ánh L và Bị đơn – anh Phạm Đình T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung